

Số: **05** /2023/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày **17** tháng **02** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí

tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 02/TTr-SXD ngày 11/01/2023 về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Ban quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Xây dựng;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài PT&TH tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH2, TH5. (3)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Vinh



QUY CHẾ

Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

1. Dữ liệu ngành Xây dựng bao gồm dữ liệu Quy hoạch xây dựng và Hạ tầng kỹ thuật xây dựng: là tập hợp các hồ sơ, tài liệu, số liệu, bản đồ hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất, giao thông, hệ thống cấp điện hạ thế, trung thế, cao thế, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật viễn thông thụ động, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống cây xanh và môi trường đô thị.

2. Cơ sở dữ liệu ngành xây dựng: là kho dữ liệu, thông tin về các lĩnh vực xây dựng gồm các dạng cơ sở dữ liệu địa lý (GIS), bản đồ, hình ảnh, biểu đồ, bảng thông tin đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức theo dạng số hóa trên các thiết bị lưu trữ thông tin điện tử đặt tại trung tâm lưu trữ dữ liệu. Cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng được tích hợp trên bộ dữ liệu hiện trạng, nền địa hình, nền địa chính. Được xây dựng nhằm chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng giữa các ngành, các cấp và phục vụ nghiên cứu tổng thể, lập kế hoạch, định hướng phát triển.

3. Thu thập cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng là hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thường xuyên theo định kỳ.

4. Quản lý cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng là các hoạt động cập nhật, kiểm tra, lưu trữ, an toàn và cung cấp dữ liệu.

5. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng là các hoạt động tìm kiếm, thống kê, phân tích, biên tập.

6. Đồng bộ dữ liệu là quá trình trao đổi và đồng bộ hóa thông tin dữ liệu từ các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về trung tâm lưu trữ dữ liệu.



Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng: Việc thu thập, quản lý, cập nhật và sử dụng cơ sở dữ liệu về ngành Xây dựng phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Dữ liệu ngành Xây dựng được thiết kế trên hệ tọa độ VN-2000 gồm các thông số chuẩn do Nhà nước quy định theo Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng Cục trưởng Cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

2. Đối với công tác cập nhật, hiệu chỉnh, kiểm tra cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng phải được thực hiện thường xuyên thông qua các ứng dụng hỗ trợ quản lý theo quy định. Dữ liệu phải được kiểm tra tính chính xác, hợp lý trước khi được đồng bộ về cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng. Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các tổ chức, đơn vị có liên quan và có sự lồng ghép các hoạt động, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ trong việc thu thập dữ liệu ngành Xây dựng, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và tuân theo các quy định của pháp luật về bảo mật dữ liệu; hạn chế tối đa việc thu thập lại cùng một nguồn dữ liệu; tận dụng nguồn dữ liệu sẵn có.

3. Công tác kiểm tra, giám sát phải bao gồm cả tính đầy đủ, tính chính xác về nội dung và cấu trúc dữ liệu được thực hiện theo quy định và đảm bảo không làm gián đoạn quá trình tương tác với cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 5. Quản lý cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu ngành Xây dựng.

2. Phê duyệt các kế hoạch thu thập dữ liệu ngành Xây dựng.

3. Quy định chế độ tài chính trong việc thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu ngành Xây dựng.

4. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí duy trì các hoạt động trên cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng.

Điều 6. Thu thập dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận Tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thu thập dữ liệu thuộc đơn vị quản lý làm cơ sở cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng.

2. Nội dung thu thập dữ liệu gồm:

a) Đối với cơ sở dữ liệu nền địa hình và nền địa chính: cập nhật các biến động về không gian và thuộc tính phản ánh chính xác hiện trạng thực tế.

b) Đối với cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng: cập nhật các biến động, thay đổi về hiện trạng, quy hoạch gồm các chuyên đề về Quy hoạch sử dụng đất, hệ thống cấp điện hạ trung thế, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật viễn thông thụ động, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống



ecây xanh và môi trường đô thị đã được phê duyệt theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan trong việc thu thập, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập, lưu trữ và giao nộp dữ liệu.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi cung cấp dữ liệu không chính xác, gây thiệt hại cho người khai thác, sử dụng dữ liệu.
3. Không được lợi dụng việc cung cấp dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các dữ liệu trái với quy định của pháp luật.
4. Được từ chối các yêu cầu về cung cấp dữ liệu trái với quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật khác liên quan.

Điều 8. Thời hạn xử lý, cập nhật và kiểm tra cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

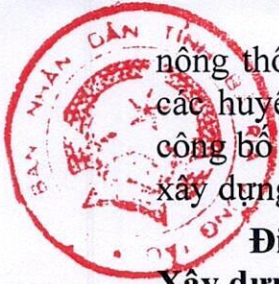
1. Các dữ liệu cập nhật được phân theo hai nhóm như sau:
 - a) Nhóm các dữ liệu biến động lớn do thay đổi quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể; những đồ án quy hoạch chi tiết mới; hiện trạng khu dân cư, dự án, công trình; nâng cấp, hiệu chỉnh cấu trúc cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng theo yêu cầu cấp có thẩm quyền để phù hợp với nhu cầu phát triển.
 - b) Nhóm các dữ liệu biến động nhỏ như thay đổi về thông tin các đối tượng; phát sinh đối tượng mới trên hệ thống.
2. Thời hạn cập nhật, xử lý:
 - a) Đối với nhóm dữ liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:
 - Thời gian cập nhật dữ liệu không quá 30 ngày, được tính kể từ ngày phát sinh đồ án mới được phê duyệt.
 - Thời gian Sở Xây dựng trao đổi với các đơn vị và kiểm tra dữ liệu trước khi đưa vào hệ thống chung của Tỉnh thực hiện không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được dữ liệu từ các đơn vị.
 - b) Đối với nhóm dữ liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này việc cập nhật dữ liệu khi có biến động không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dữ liệu, thông tin, văn bản từ các đơn vị.

Chương III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 9. Công bố danh mục dữ liệu về ngành Xây dựng:

1. Danh mục dữ liệu ngành Xây dựng được công bố trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
2. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận Tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển



nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải chịu trách nhiệm về cơ sở dữ liệu mà mình công bố và phải tuân theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực xây dựng.

Điều 10. Hình thức, phương thức khai thác và sử dụng dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu ngành Xây dựng thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Khai thác và sử dụng chung từ bộ dữ liệu ngành Xây dựng do Sở Xây dựng quản lý thác.

b) Khai thác và sử dụng dữ liệu trên mạng Internet, cổng thông tin điện tử tỉnh.

c) Việc cung cấp thông tin ngành Xây dựng theo hình thức Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu được thực hiện theo quy định sau:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu: đề nghị liên hệ Sở Xây dựng để được hướng dẫn cụ thể.

3. Phương thức chia sẻ dữ liệu:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin của Sở Xây dựng và cơ quan khai thác dữ liệu.

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng bằng việc đồng bộ toàn bộ hoặc một phần dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của Sở Xây dựng và cơ quan khai thác dữ liệu.

c) Chia sẻ dữ liệu được đóng gói và lưu giữ trên các phương tiện lưu trữ thông tin.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu ngành Xây dựng: Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu ngành Xây dựng có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng dữ liệu được quy định tại Điều 4 quy chế này.

2. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để sử dụng.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

4. Được tự do tiếp cận thông tin về cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng theo đúng quy định của “Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016”.

5. Nội dung thông tin cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo mật, hợp pháp của thông tin.

Chương IV

**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN
QUẢN LÝ DỮ LIỆU NGÀNH XÂY DỰNG**



Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

Các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về nhiệm vụ thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng cụ thể:

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chung các hoạt động trên cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng. Chủ trì việc nâng cấp, điều chỉnh quy trình quản lý, vận hành, kiểm tra cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cá nhân tham gia vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng.

b) Kiểm tra tổng thể dữ liệu ngành Xây dựng từ các đơn vị cập nhật theo đúng quy định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng của Tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của Tỉnh; biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng của Tỉnh.

c) Cập nhật biến động dữ liệu do Sở Xây dựng thẩm định, cấp phép, tham gia ý kiến các chuyên đề về hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước trong đô thị.

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo công tác thu thập, quản lý, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn trước ngày 31/5 (lần 1) và 31/10 (lần 2) cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Chia sẻ, kết nối dữ liệu ngành Xây dựng với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo các phương thức do Chính phủ quy định.

g) Cung cấp dữ liệu về quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng cho Sở Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

Có trách nhiệm thu thập, cập nhật, kiểm tra các biến động trên cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng; kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc đơn vị quản lý, phê duyệt (Phụ lục 1) để tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu nền địa hình, nền địa chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho Sở Xây dựng theo các phương thức do Chính phủ quy định để tích hợp vào hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng.

- Duy trì hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường nhằm đảm bảo kết nối giữa hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường và ngành Xây dựng.

- Định kỳ báo cáo gửi Sở Xây dựng tình hình quản lý dữ liệu nền địa hình, nền địa chính thuộc cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng bao gồm dữ liệu hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất trước ngày 20 tháng 5 (lần 1) và 20 tháng 10 (lần 2) hàng năm.

b) Sở Giao thông Vận tải:



- Thu thập, cập nhật, kiểm tra các thông tin, hình ảnh, nội dung cũng như các biến động liên quan đến các dự án, công trình giao thông, đồ án, quy hoạch giao thông do đơn vị quản lý.

- Định kỳ báo cáo gửi Sở Xây dựng tình hình quản lý dữ liệu giao thông khu vực ngoài đô thị thuộc cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trước ngày 20 tháng 5 (lần 1) và 20 tháng 10 (lần 2) hàng năm.

c) Sở Công Thương:

- Thu thập, cập nhật, kiểm tra biến động dữ liệu hệ thống cấp điện (nguồn điện, lưới điện truyền tải và phân phối) trên địa bàn tỉnh, các thông tin, hình ảnh và nội dung liên quan.-

- Định kỳ báo cáo gửi Sở Xây dựng tình hình quản lý dữ liệu hệ thống cấp điện trên địa bàn tỉnh thuộc cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trước ngày 20 tháng 5 (lần 1) và 20 tháng 10 (lần 2) hàng năm.

d) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Thu thập, cập nhật biến động dữ liệu quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Các thông tin, hình ảnh và nội dung liên quan.

- Định kỳ báo cáo gửi Sở Xây dựng tổng hợp tình hình quản lý dữ liệu hệ thống viễn thông thuộc cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trước ngày 20 tháng 5 (lần 1) và 20 tháng 10 (lần 2) hàng năm.

- Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu khi cung cấp, đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, theo dõi tình hình thực hiện quy chế, vấn đề an toàn và an ninh dữ liệu trong hệ thống.

- Phối hợp với Công an tỉnh định kỳ kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh thông tin các thiết bị, an ninh hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành xây dựng theo quy định.

đ) Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Thu thập, cập nhật, kiểm tra biến động dữ liệu hệ thống thoát nước ngoài đô thị. Các thông tin, hình ảnh và nội dung liên quan do mình quản lý.

- Định kỳ báo cáo gửi Sở Xây dựng tổng hợp tình hình quản lý dữ liệu thoát nước nông nghiệp thuộc cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trước ngày 20 tháng 5 (lần 1) và 20 tháng 10 (lần 2) hàng năm.

e) Ban quản lý các khu công nghiệp:

- Thu thập, cập nhật, kiểm tra biến động dữ liệu quy hoạch chi tiết và hạ tầng kỹ thuật bên trong các khu công nghiệp. Các thông tin, hình ảnh và nội dung liên quan.

- Định kỳ báo cáo gửi về Sở Xây dựng tổng hợp tình hình quản lý quy hoạch chi tiết và hạ tầng kỹ thuật bên trong các khu công nghiệp thuộc cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trước ngày 20 tháng 5 (lần 1) và 20 tháng 10 (lần 2) hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:



- Chịu trách nhiệm thu thập, phân loại, cập nhật, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng trên địa bàn mình quản lý; cung cấp dữ liệu về quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu hệ thống cây xanh cho Sở Xây dựng theo quy định.

- Định kỳ báo cáo Sở Xây dựng tình hình quản lý biến động cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng do huyện, thị xã, thành phố quản lý trước ngày 20 tháng 5 (lần 1) và 20 tháng 10 (lần 2) hàng năm.

4. Công an tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra đảm bảo an toàn, an ninh mạng hệ thống Cơ sở dữ liệu Ngành xây dựng trước và trong quá trình vận hành, quản lý và khai thác.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động tấn công mạng đối với hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành xây dựng; khuyến nghị, khắc phục các lỗ hổng bảo mật gây nguy cơ lộ, lọt thông tin; đảm bảo an toàn hệ thống thông tin, dữ liệu khi cung cấp, đăng tải trên các cổng thông tin điện tử của tỉnh cũng như trên không gian mạng.

Điều 13. Quyền hạn thu thập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Được quyền khai thác cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng phục vụ công tác tìm kiếm, thống kê, phân tích thông tin, biên tập bản đồ.

2. Được đào tạo về chuyên môn GIS hoặc được hướng dẫn cơ bản về cách sử dụng các chức năng của hệ thống để khai thác dữ liệu phục vụ công việc chuyên môn.

3. Trong quá trình khai thác cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng, đơn vị có quyền kiến nghị, đề xuất và phối hợp với Sở Xây dựng để có các biện pháp giải quyết, khắc phục sự cố liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng.

Điều 14. Cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

1. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận Tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc điều tra, thu thập, quản lý dữ liệu ngành Xây dựng để khai thác, sử dụng có hiệu quả dữ liệu.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận Tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc thực hiện việc cập nhật, bảo dưỡng dữ liệu theo kế hoạch đã được phê duyệt đảm bảo cơ sở dữ liệu được ổn định, mở rộng và phát triển theo thời gian.

Chương V

LƯU TRỮ, BẢO QUẢN VÀ AN TOÀN CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH XÂY DỰNG



Điều 15. Sao lưu đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Sao lưu dữ liệu:

a) Cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng phải được sao lưu hàng tuần và phải được lưu giữ tối thiểu trong 3 tháng.

b) Dữ liệu liên quan đến các tác nghiệp được lưu trữ hàng tháng vào ổ đĩa quang và ổ đĩa cứng và phải được lưu trữ tối thiểu trong 1 năm; sao lưu hàng năm phải được lưu giữ vĩnh viễn và sao lưu ít nhất ở 2 vị trí.

c) Sở Xây dựng có trách nhiệm sao lưu cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng.

d) Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận Tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm sao lưu cơ sở dữ liệu thuộc đơn vị mình cập nhật theo Điều 12 quy chế này.

2. Phục hồi dữ liệu;

a) Việc phục hồi dữ liệu được thực hiện trong trường hợp xảy ra sự cố mất dữ liệu.

b) Bản sao lưu sử dụng để phục hồi dữ liệu là bản sao lưu gần nhất trước thời điểm sự cố xảy ra.

c) Sở Xây dựng, các đơn vị trực thuộc phối hợp thực hiện và mọi thao tác phục hồi dữ liệu phải được ghi nhật ký trên hệ thống và có báo cáo cụ thể cho lãnh đạo Sở.

Điều 16. Xử lý và khắc phục sự cố cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Thông báo sự cố:

Khi phát hiện các lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng hoặc sự cố không vào được phần mềm hệ thống phải báo cáo kịp thời cho người quản trị hệ thống và lãnh đạo đơn vị để kịp thời xử lý.

2. Xử lý nhanh sự cố:

a) Trong trường hợp vận hành cơ sở dữ liệu có xảy ra sự cố, Sở Xây dựng có trách nhiệm: Ngưng vận hành sử dụng cơ sở dữ liệu; Phối hợp với các phòng ban, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và cơ sở dữ liệu;

b) Tùy theo mức độ sự cố Sở Xây dựng báo cáo kịp thời tới lãnh đạo Tỉnh để có phương án giải quyết kịp thời.

3. Khắc phục sự cố:

a) Việc khắc phục sự cố phải được thực hiện nhanh nhất có thể để đưa hệ thống trở lại hoạt động;

b) Việc khắc phục sự cố được thực hiện không quá 2 ngày làm việc tính từ thời điểm phát hiện sự cố. Trường hợp sự cố quá phức tạp, không giải quyết được trong 2 ngày phải báo ngay cho lãnh đạo tỉnh đưa ra phương án giải quyết.

Điều 17. An toàn và bảo mật cơ sở dữ liệu Ngành xây dựng:



1. Trong quá trình khai thác cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng, khi phát hiện những dấu hiệu làm mất an toàn, an ninh về dữ liệu, mạng, hệ điều hành của hệ thống, cơ quan, đơn vị cần thông báo ngay về Sở Xây dựng. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh để có giải pháp khắc phục sự cố an toàn, bảo mật thông tin.

2. Khi có sự thay đổi liên quan tới hệ thống cần kiểm tra trước để đảm bảo an toàn cho hệ thống.

Điều 18. Bảo trì, bảo dưỡng, duy trì hoạt động và nâng cấp cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng:

1. Cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, giám sát để đảm bảo hoạt động tốt khi các đơn vị truy cập vào.

2. Hàng năm cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng cần được tổng rà soát, hiệu chỉnh cấu trúc và cập nhật thông tin mới theo các quy định hiện hành nhằm đảm bảo cơ sở dữ liệu luôn mới phục vụ nhu cầu quản lý của các đơn vị.

3. Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách và các chính sách, chế độ quy định để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trong việc thu thập, cập nhật, tích hợp, quản lý khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành xây dựng của tỉnh trên cơ sở căn cứ vào dự toán do các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành quy chế này.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận Tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

3. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận Tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tuyên truyền cho các cá nhân liên quan nắm rõ tầm quan trọng của việc cập nhật dữ liệu ngành Xây dựng theo thời gian.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy chế này, có nhiều đóng góp trong việc xây dựng thu thập, quản lý, tích hợp, khai thác và sử dụng tốt cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng của Tỉnh tùy theo thành tích cụ thể sẽ được khen thưởng theo quy định Nhà nước.

5. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xử lý theo quy định, cụ thể như sau



Khiển trách: đối với các cá nhân, doanh nghiệp không báo cáo hoặc báo cáo số liệu chậm trễ, báo cáo thông tin không đầy đủ, chính xác cho Sở Xây dựng.

Cảnh cáo: đối với các cá nhân, doanh nghiệp không thực hiện đúng nghĩa vụ trách nhiệm theo quy chế, đã bị xử lý kỷ luật ở mức độ khiển trách mà không khắc phục được sai sót, khuyết điểm sẽ bị xử lý kỷ luật ở mức độ cảnh cáo.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành:

Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 01

Ghi chú: X: chi xem; C: Xem và chỉnh sửa;

Hiện trạng: ☐ Quy hoạch: ☐

Đơn vị	Sở Xây Dựng/ BQL các KCN BR-VT	Sở Tài Nguyên và Môi Trường		Sở Giao Thông Vận Tải		Sở Công Thương		Sở Thông Tin và Truyền Thông		Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn		Các UBND huyện, thị xã, thành phố		Doanh nghiệp, chủ đầu tư và người dân
		X	C	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	
Nền		C	X	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	X
Giao thông	Trong đô thị	C	X	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	X
	Ngoài đô thị	X	X	C	C	X	X	X	X	X	X	C	C	X
Hệ thống cấp điện		X	X	X	X	C	C	X	X	X	X	C	C	X
Hệ thống cấp nước		C	X	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	X
Hệ thống thoát nước	Trong đô thị	C	X	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	X
	Ngoài đô thị	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	C	C	X
Hệ thống viễn thông		X	X	X	X	X	X	C	C	X	X	C	C	X
Hệ thống điện chiếu sáng		C	X	X	X	C	C	X	X	X	X	C	C	X
Hệ thống cây xanh		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	X
Môi trường đô thị		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	X
Sử dụng đất		X	C	C	C	X	X	X	X	X	X	C	C	X
Phân khu chức năng		C	X	X	X	X	X	X	X	X	X	C	C	X

